

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

Mã số: 60340410

Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 889 /QĐ-ĐHHV ngày 02/8/2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý kinh tế
 - + Tiếng Anh: Economic Management
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 60340410
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Hùng Vương.

2. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ có kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế, quản lý kinh tế và nâng cao kỹ năng thực hành trong lĩnh vực quản lý kinh tế ở cấp vĩ mô (cả nền kinh tế) và ở cấp vi mô (doanh nghiệp) trong điều kiện Việt Nam.

2.2. Chuẩn đầu ra

Kiến thức

Học viên nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, phát triển kinh tế và quản lý kinh tế trong thời đại phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam. Tăng cường năng lực thực hành trong lĩnh vực quản lý kinh tế trong điều kiện Việt Nam, mà cụ thể là tăng cường năng lực thực hành trong lĩnh vực quản lý kinh tế ở địa phương và ở doanh nghiệp. Giúp học viên có năng lực làm việc theo nhóm, gia tăng khả năng thuyết trình và xây dựng báo cáo trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

Kỹ năng

Học viên sau khi tốt nghiệp sẽ có năng lực tạo dựng các kỹ năng cơ bản cho nhà quản lý kinh tế: kỹ năng phân tích kinh tế, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng trình bày báo cáo, kỹ năng phân tích chính sách... Hình thành sự kết hợp các kỹ năng để nâng cao năng lực quản lý kinh tế ở cấp vĩ mô và ở cấp vi mô.

Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Mức tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản lý kinh tế.

Thái độ

Có phẩm chất đạo đức tốt, có hành vi và lời nói chuẩn mực; có quan điểm kiên định, tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống; Biết lắng nghe và phản biện; Có trách nhiệm cao, chủ động đề xuất các giải pháp xử lý các tình huống kinh tế - xã hội phát sinh.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh

- Môn cơ bản: Khoa học quản lý
- Môn cơ sở: Kinh tế học
- Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.2. Đối tượng tuyển sinh

Về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp Đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi (những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần hoặc ngành khác với chuyên ngành dự thi thì phải học bổ sung kiến thức trước khi thi để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng).

Về kinh nghiệm công tác: Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký tuyển sinh được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Người có bằng tốt nghiệp ngành khác thì phải có tối thiểu 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

Về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.

Về lý lịch bản thân: Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

Về thủ tục: Nộp hồ sơ đúng hạn và đầy đủ theo Quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương.

4. Hình thức và thời gian đào tạo

4.1. Hình thức đào tạo: Chính quy.

4.2. Thời gian đào tạo: 2 năm.

5. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo quy định trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ kèm theo Quyết định số 192/QĐ-ĐHHV ngày 15/2/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương.

PHẦN II: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

a) Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

b) Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

- **Khối kiến thức chung:** 08 tín chỉ

- **Khối kiến thức cơ sở:** 20 tín chỉ

+ Bắt buộc: 10 tín chỉ

+ Tự chọn: 10 tín chỉ

- **Khối kiến thức chuyên ngành:** 20 tín chỉ

+ Bắt buộc: 10 tín chỉ

+ Tự chọn: 10 tín chỉ

- **Luận văn tốt nghiệp:** 12 tín chỉ

2. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Tự học, tự nghiên cứu	Mã số học phần tiên quyết
				LT	BT, TL	TH		
I	Khối kiến thức chung		8					
1	LC1428	Triết học Phylosophy	4	40	20		120	
2	TG1241	Tâm lý lãnh đạo Psychology for Leaders	2	20	10		60	
3	QK1201	Luật kinh tế nâng cao Advanced Business Law	2	20	10		60	
II	Khối kiến thức cơ sở		20					
II.1.	Bắt buộc		10					
4	QK2202	Kinh tế vi mô ứng dụng Applied Microeconomics	2	20	10		60	
5	QK2203	Kinh tế vĩ mô ứng dụng Applied Macroeconomics	2	20	10		60	
6	QK2204	Phân tích kinh tế Economic Analysis	2	20	10		60	
7	QK2205	Đầu tư phát triển Development Investment	2	20	10		60	
8	QK2206	Kinh tế phát triển nâng cao Advanced development Economics	2	20	10		60	
II.2.	Tự chọn (Chọn 10 tín chỉ)		10					
9	QK2207	Phân tích chính sách Economic Analysis	2	20	10		60	
10	QK2208	Kế toán phục vụ lãnh đạo Accounting for Leaders	2	20	10		60	
11	QK2209	Chính sách công Public Policy	2	20	10		60	
12	QK2210	Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ	2	20	10		60	

		The state management of Science and Technology						
13	QK2211	Quản lý nhà nước về tài chính tiền tệ The state management of Money and Finance	2	20	10		60	
14	QK2212	Lý thuyết chuỗi giá trị và ứng dụng trong quản lý kinh tế Value chain theory and Application in economic management	2	20	10		60	
15	QK2213	Hệ thống thông tin kinh tế Economic information system	2	20	10		60	
16	QK2114	Kỹ năng viết báo cáo khoa học Scientific Report Writing	1	10	5		30	
17	QK2115	Kỹ năng thuyết trình Presentation Skills	1	10	5		30	
18	QK2116	Kỹ năng ra quyết định Decision-making Skills	1	10	5		30	
19	QK2117	Kỹ năng lập kế hoạch Planning Skills	1	10	5		30	
III	Khối kiến thức chuyên ngành		20					
III.1.	Bắt buộc		10					
20	QK2218	Khoa học quản lý nâng cao Science of Advanced Management	2	20	10		60	
21	QK2219	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao Advanced State Management in Economics	2	20	10		60	
22	QK2220	Doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp nâng cao Enterprise and Advanced Enterprise Management	2	20	10		60	
23	QK2221	Quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ The state management of territory	2	20	10		60	
24	QK2222	Seminar: Thực tế quản lý kinh tế địa phương và trong doanh nghiệp Seminar: Practical Management in Local Government and Enterprises	2	20	10		60	
III.2.	Tự chọn (Chọn 10 tín chỉ)		10					
25	QK2223	Quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường và	2	20	10		60	

		biến đổi khí hậu The state management of natural resources, environment, and climate change.						
26	QK2224	Quản lý dự án nâng cao Advanced Project Management	2	20	10		60	
27	QK2225	Quản lý nhân lực Human resource management	2	20	10		60	
28	QK2226	Quản lý tài chính công Public finance management	2	20	10		60	
29	QK2227	Quản trị rủi ro Risk management	2	20	10		60	
30	QK2228	Dịch vụ công Public services	2	20	10		60	
31	QK2229	Quản lý hành chính Administration management	2	20	10		60	
32	QK2130	Seminar: Đánh giá năng lực cạnh tranh sản phẩm Seminar: Evaluation of product competitiveness	1	10	5		30	
33	QK2131	Seminar: Quản lý chất lượng tại Việt Nam Seminar: Quality Management in Vietnam	1	10	5		30	
34	QK2132	Seminar: Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế Renovation of State Management in Economics	1	10	5		30	
35	QK2133	Chuyên đề bổ trợ Supportive topics	1	10	5		30	
IV	Luận văn tốt nghiệp		12					
36	QK2934	Luận văn tốt nghiệp Thesis	12					